

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.**

Hôm nay ngày 31 tháng 08 năm 2024 tại văn phòng trường THCS Phương Trung .  
Thành phần gồm có:

- 1- Bà : Nguyễn Thị Chính Chức vụ : Hiệu trưởng
- 2- Bà : Lê Thị Thùy; Chức vụ: Phó hiệu trưởng.
- 3- Bà : Bùi Thị Bằng; Chức vụ: Phó hiệu trưởng
- 4- Bà : Nguyễn Thị Ngọc Quý; Chức vụ: Phó hiệu trưởng
- 5- Ông : Chu Văn Thắng ; Chức vụ : Kế toán
- 6- Ông : Tạ Thị Phương Trà; Chủ tịch công đoàn
- 7- Bà : Mai Thị Năm ; Trưởng ban thanh tra nhân dân
- 8- Bà : Hoàng Thị Hạnh ; Thư ký hội đồng

Nội dung thực hiện niêm yết công khai Dự toán bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý năm 2024.

Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin văn phòng nhà trường

Thời gian niêm yết danh sách từ ngày 31/8/2024 đến hết ngày 30/9/2024

Trong thời gian niêm yết công khai trên các thành viên trong ban niêm yết tiếp nhận ý kiến đóng góp về nhà trường .

Biên bản lập xong lúc 11h30 cùng ngày.mọi người tham gia cùng nhất trí thông qua./.

**Chủ tịch công đoàn**



**Tạ Thị Phương Trà**




**Nguyễn Thị Chính**


**CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA**

*T. Ban*

*Bùi Thị Bằng*



*Lê Thị Thùy*



*Chu Văn Thắng*

Phương Trung, ngày 31 tháng 8 năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v : Công khai dự toán

**Kính gửi : - Ban giám hiệu trường THCS Phương Trung**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6450/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý năm 2024.

Bộ phận kế toán nhà trường làm tờ trình này trình lên ban giám hiệu nhà trường đề nghị được công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Chu Văn Thắng



Số: ~~105~~ /QĐ-CKDT

Phương Trung, ngày 31 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán bổ sung thu chi ngân sách năm 2024 của trường THCS Phương Trung

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 6450/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý năm 2024.
- Xét đề nghị của ban tài chính trường THCS Phương Trung

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung thu chi ngân sách năm 2024 của trường THCS Phương Trung (theo biểu số 02 đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường ban Tài chính và các bộ phận liên quan thuộc trường THCS Phương Trung tổ chức thực hiện Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Phòng TCKH huyện Thanh Oai;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Chính



ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6450 /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 29 tháng 8 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc Huyện quản lý năm 2024

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đối với Hợp đồng lao động đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 2185/UBND-NC ngày 14/7/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện quy định hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Văn bản số 2869/UBND-NV ngày 18/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc ký kết hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 3978/STC-QLNS ngày 04/7/2024 của Sở Tài chính về việc thực hiện mức lương cơ sở mới đối với cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2024;

Căn cứ Văn bản số 5097/STC-QLNS ngày 23/8/2024 của Sở Tài chính Hà Nội hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều





chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thanh Oai về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của huyện Thanh Oai;

Căn cứ Văn bản 1819/UBND-TCKH ngày 08/7/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc thực hiện mức lương cơ sở mới đối với cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2024;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - KH huyện tại Tờ trình số 21/TTr-TCKH ngày 24/8/2024 về việc đề nghị bổ sung kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc Huyện quản lý năm 2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho:

Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý

1. Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở (mức chênh lệch lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng) theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ năm 2024 là: 49.542.000.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở (mức chênh lệch lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng) theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ đối với biên chế: 47.785.000.000 đồng.

- Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở (mức chênh lệch lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng) theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ đối với Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 1.757.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 1.757.000.000 đồng.

- Từ nguồn kinh phí CCTL huyện cấp bổ sung cho các đơn vị thiếu nguồn: 47.785.000.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ số kinh phí được phê duyệt tại Điều 1, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý chủ động sử dụng nguồn kinh phí cải

cách tiền lương tại đơn vị và ngân sách huyện cấp bổ sung để thực hiện chi trả cho các đối tượng theo đúng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ; thanh quyết toán kịp thời, đảm bảo chế độ tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện quản lý và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *lu*  
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT, TCKH (Ngân, 75). *c*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
  
Bùi Văn Sáng





Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
 Trường THCS Phương Trung  
 Chương:622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-THCSPT ngày 31/..8/2024 của trường THCS Phương Trung)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí(Học phí)	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
1	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
1	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.247.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>1.247.000</b>
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>1.247.000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.247.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	



5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	



<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

